TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-PT
Ngày 30 - 5- 2018
V/v chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Ông Vũ Hà Nam

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lã Ngọc Tiền - Thư ký Tòa án , Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Trần Thị T Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02/11/2017 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX-PT ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị K; cư trú tại: Đội 2, xóm 9, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T; cư trú tại: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Hữu Đ; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Anh Phạm Hữu Đ1; sinh ngày 01/01/2000; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

3. Anh Phạm Văn C; ĐKHK: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

4. Cháu Phạm Hữu Q; sinh ngày 19/01/2004; địa chỉ: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q:

Chị Nguyễn Thị T; Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà K, chị T có mặt. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Phạm Thị K trình bày:

Bố mẹ của bà là cụ Phạm Hữu T (chết ngày 28/12/2014) và cụ Trần Thị TH (chết ngày 03/4/2004) có hai con là ông Phạm Hữu D (con đẻ), bà Phạm Thị K là con nuôi được hai cụ nhận nuôi từ nhỏ. Ông D chết năm 1974, có hai con là anh Phạm Hữu Đ và anh Phạm Hữu D. Anh Đ có vợ là chị Hoàng Thị TH và 01 con là Phạm Hữu Đ1. Anh D chết năm 2006, có vợ là chị Nguyễn Thị T và hai con là Phạm Văn C, cháu Phạm Hữu Q.

Cụ T cụ TH để lại thửa đất diện tích 210m^2 tại Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Nguồn gốc mua của cụ P (đã chết) đã cấp giấy chứng nhận đứng tên hai cụ, hiện do chị T giữ giấy chứng nhận. Trên đất có 01 căn nhà mái ngói ba gian, bếp và công trình phụ của hai cụ hiện tại vẫn còn.

Năm 2004 cụ TH chết không để lại di chúc, cụ T và mẹ con chị T quản lý sử dụng nhà đất, sau đó chị T xây thêm căn nhà mái bằng hiện đang ở. Ngày 20/9/2004 cụ T lập di chúc chia đất cho bà và hai cháu nội là anh Đ, anh D và giao cho bà giữ bản di chúc. Năm 2005 cụ T lập di chúc khác chia toàn bộ đất đai, cho ba chắt là Phạm Hữu Đ1, Phạm Văn C và Phạm Hữu Q nhưng không thông báo cho bà biết. Sau khi, cụ T chết giữa bà và chị T xảy ra mâu thuẫn thì bà mới biết cụ T để lại di chúc do chị T giữ.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần di chúc của cụ T lập ngày 24/8/2005 đối với phần di sản của cụ TH, và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ TH theo pháp luật. Bà yêu cầu được chia đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ. Còn phần di chúc đối với di sản của của T chia đất cho ba chắt thì bà không có ý kiến gì.

Tại biên bản ghi lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, về nguồn gốc tài sản của cụ TH, cụ T để lại và thời điểm cụ TH, cụ T chết.

Sau khi, cụ TH chết, ngày 24/8/2005 cụ T đã lập di chúc chia đất cho ba chắt là cháu Đ1 (con anh Đ, chị TH) và hai con chị là cháu C, cháu Q đưa di chúc cho chị giữ. Năm 2006 chồng chị anh D chết không để lại di chúc. Năm 2010 chị xây thêm căn nhà mái bằng 01 tầng để mẹ con chị và cụ T ở, trước khi xây chị đã hỏi ý kiến của cụ T, chị TH muốn đổi đất xây nhà về phía Đông, cụ T, chị T đồng ý. Bà K về quê đã biết chị xây nhà nhưng không có ý kiến gì. Đến năm 2014 thì

cụ T chết, nhà đất do mẹ con chị quản lý sử dụng. Cháu C trước đây học tập tại Trường Trung cấp Kỹ thuật Hải quân tại phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã học xong và đang công tác tại Bộ Tư lệnh Hải Quân Vùng 2 tại Vũng Tàu, nhưng chị không biết tên đơn vị và địa chỉ cụ thể. Chị và cháu C vẫn liên lạc bằng điện thoại và cháu C đã biết bà K khởi kiện chia thừa kế, nhưng nói bận chưa về giải quyết. Việc bà K và chị TH yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ TH, cụ T do mẹ con chị đang sử dụng, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, chị yêu cầu được chia đất có căn nhà mái bằng đang ở và ngõ đi phía Tây nhà, để mẹ con chị sử dụng ổn định, ba mẹ con chị sử dụng C nhà đất sau này tự giải quyết quyền lợi riêng với nhau; phần đất còn lại do Tòa phân xử theo pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Phạm Hữu Đ1 do chị Hoàng Thị TH là người đại diện hợp pháp trình bày:

Chị TH thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, về nguồn gốc tài sản của cụ TH, cụ T để lại và thời điểm cụ TH, cụ T chết.

Chị và anh Đ có một con C là cháu Phạm Hữu Đ1, vợ chồng chị đã ly thân từ nhiều năm nay, chị chỉ biết anh Đ làm thuê trên tàu chở hàng chạy đường sông và đang sinh sống ở tỉnh Thái Bình, không biết địa chỉ cụ thể. Nhưng anh Đ thi thoảng về quê khi họ hàng bên chồng có công việc, hiện chị và cháu Đ1 đang ở nhà đất do bố mẹ đẻ chị mua cho, tại Xóm 5, xã X. Khi cụ T lập di chúc thì mẹ con chị không biết, sau đó, chị T đã đưa cho chị 01 bản di chúc phô tô, sau này chị đã đưa cho bà K xem. Từ khi, biết có di chúc cụ T chia đất cho cháu Đ1 thì mẹ con chị và mẹ con chị T chưa có thỏa thuận gì về việc chia đất, theo di chúc của cụ T, sau khi cụ T chết thì đất do mẹ con chị T quản lý sử dụng.

Bà K khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ TH, chị đề nghị cho cháu Đ1 được nhận phần đất anh Đ được hưởng thừa kế di sản của cụ TH theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/8/2017 chị TH đại diện cho cháu Đ1 có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Phạm Hữu T theo di chúc lập ngày 24/8/2005 và yêu cầu được chia đất để sau này cháu Đ1 có chỗ làm nhà ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Hữu Đ và cháu Phạm Văn C đều vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường , tỉnh Nam Định đã quyết định . Căn cứ vào các Điều 218, 357, 468, 612, 613, 623, 630, 643, 650, 651, 652, 659 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 95, 167, 170 của Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K đối với chị Nguyễn Thị T về chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị TH theo pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của cháu Phạm Hữu Đ1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Hữu T theo di chúc.

3. Hủy một phần di chúc của cụ Phạm Hữu T lập ngày 24/8/2005 đối với phần di sản của cụ Trần Thị TH.

4. Xác định Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 8 lập năm 2001 tại Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có diện tích đo đạc thực tế là 219m^2 có trị giá 109.500.000 đồng và 01 căn nhà mái ngói, bếp, công trình phụ trên đất không còn giá trị là tài sản C của cụ Trần Thị TH và cụ Phạm Hữu T.

Xác nhận phần quyền về tài sản của cụ Trần Thị TH và cụ Phạm Hữu T trong khối tài sản C là 109,5m^2 đất có trị giá là 54.750.000 đồng;

5. Xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Thị TH là cụ Phạm Hữu T, bà Phạm Thị K và thừa kế thế vị phần được hưởng thừa kế của ông Phạm Hữu Dũng là anh Phạm Hữu Đ và anh Phạm Hữu D. Anh D đã chết năm 2006 nên chị Nguyễn Thị T, cháu Phạm Văn C và cháu Phạm Hữu Q thừa kế phần được hưởng thừa kế của anh D.

Xác định người thừa kế theo di chúc của cụ Phạm Hữu T là cháu Phạm Hữu Đ1, cháu Phạm Văn C và cháu Phạm Hữu Q.

6. Chia giá trị:

Cụ Phạm Hữu T và bà Phạm Thị K, mỗi người được hưởng 1/3 giá trị di sản của cụ Trần Thị TH theo pháp luật là 18.250.000 đồng.

Anh Phạm Hữu Đ được hưởng 1/6 giá trị di sản của cụ Trần Thị TH theo pháp luật là 9.125.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T, cháu Phạm Văn C và cháu Phạm Hữu Q được hưởng 1/6 giá trị di sản của cụ Trần Thị TH theo pháp luật là 9.125.000 đồng.

Cháu Phạm Hữu Đ1, cháu Phạm Văn C và cháu Phạm Hữu Q mỗi người được hưởng 1/3 giá trị di sản của cụ Phạm Hữu T theo di chúc là 24.333.000 đồng.

7. Chia hiện vật:

7.1. Giao cho chị Nguyễn Thị T, cháu Phạm Hữu Q và cháu Phạm Văn C được quyền sử dụng C 152m^2 đất thuộc thửa số 198, tờ bản đồ số 8 lập năm 2001 tại Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có trị giá là 76.000.000 đồng; trên đất có các công trình xây dựng thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị T.

Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp đất ngõ từ đường Họ Trần gồm hai đoạn dài 7,34m và 6,73m; phía Tây giáp đất chia cho cháu Đ1 dài 13,98m; phía Nam giáp từ đường Họ Trần dài 10,55m; phía Bắc giáp đường dong xóm dài

10,98m; *Có sơ đồ kèm theo.*

7.2. Giao cho cháu Phạm Hữu Đ1 được quyền sử dụng 67m^2 đất thuộc thửa số 198, tờ bản đồ số 8 lập năm 2001 tại Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có trị giá là 33.500.000 đồng và được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên đất gồm 01 nhà cấp 4, bếp, công trình phụ không còn giá trị.

Ranh giới đất như sau: Phía Đông giáp đất chia cho chị T, cháu Q, cháu C dài 13,98m; phía Tây giáp đất bà Vui dài 13,6m; phía Nam giáp từ đường Họ Trần và đất bà Vui dài 4,88m; phía Bắc giáp đường dong xóm dài 4,88m; *Có sơ đồ kèm theo.*

7.3. Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm tháo rỡ phần bếp trên phần đất được chia của cháu Đ1 và bàn giao đất được chia cho cháu Phạm Hữu Đ1.

7.4. Các đương sự có nghĩa vụ kê khai, đăng ký và tách quyền sử dụng đất được giao sử dụng theo quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

7.5. Về trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản:

Chị Nguyễn Thị T, cháu Phạm Văn C và cháu Phạm Hữu Q có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản chia thừa kế cho bà Phạm Thị K là 18.250.000 đồng (*mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Cháu Phạm Hữu Đ1 có trách nhiệm thanh toán chênh lệch chia thừa kế cho anh Phạm Hữu Đ là 9.125.000 đồng (*chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Tạm giao cho cháu Phạm Hữu Đ1 và chị Hoàng Thị TH quản lý giá trị phần di sản hưởng thừa kế của anh Đ cho đến khi anh Đ trở về thì có nghĩa vụ giao lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí đo đạc và định giá và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự, lãi suất chậm trả do người phải thi hành án chậm thi hành các khoản tiền theo quyết định của bản án và biện pháp thi hành án.

Ngày 06/10/2017 bà Phạm Thị K kháng cáo không nhất trí với kết quả định giá tài sản vì giá quá thấp so với giá thị trường. Bà không nhất trí nhận giá trị chênh lệch bà đề nghị được hiện vật để thờ cúng bố mẹ. Ngày 09-3-2018 bà Phạm Thị K có đơn đề nghị không tiến hành định giá lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà K và chị T thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án cụ thể là: Các đương sự thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường , tỉnh Nam Định và chị T cam kết sẽ hương khói cho các cụ đầy đủ, giỗ chạp đúng ngày, đúng tháng, xây mộ cho các cụ, nếu tài sản của các cụ để lại chị T muốn bán thì phải xin ý kiến bà K.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm , Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự . Các đương sự chấp hành đúng

các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xé xử căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Án phí dân sự phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm.

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Phạm Thị K và chị Nguyễn Thị T về việc thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường , tỉnh Nam Định . Và chị T cam kết sẽ hương khói cho các cụ đầy đủ, giỗ chạp đúng ngày, đúng tháng, xây mộ cho các cụ, nếu tài sản của các cụ để lại chị T muốn bán thì phải xin ý kiến bà K.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị K phải nộp 300.000đ nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000608 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường. Bà K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Xuân Trường;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Vũ Thị Thu